Trường TH& THCS Hiền Hào

Tổ: THCS

GV: Hà Quang Ái

**TIẾT 91 KHỞI NGỮ**

Môn: Ngữ văn 9

**I. MỤC TIÊU** Thời gian thực hiện: 01 tiết

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau khi học xong bài này, học sinh:

**a) Kiến thức**

- Biết được đặc điểm của khởi ngữ trong câu.

- Hiểu công dụng của khởi ngữ trong câu

- Vận dụng đặt câu có khởi ngữ.

**b)** **Kĩ năng**

- Nhận diện khởi ngữ trong câu.

- Đặt câu có khởi ngữ.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

**a) Các phẩm chất**

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**b) Các năng lực chung**

- Năng lực: tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ; tiếp nhận và tạo lập văn bản.

**c) Các năng lực chuyên biệt**

**-** Năng lực: **s**ử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**GV:** Bảng phụ, phiếu bài tập.

**HS*:*** Học bài cũ, soạn bài mới.

**III: TỔ CHỨC DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (1’)**

- Phương pháp: Thuyết trình.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| *Khởi ngữ trong câu có vai trò như thế nào, làm cách nào để nhận biết thành phần này. Hôm nay cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu.* | - Nghe, trả lời |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15’)**

- Phương pháp: đọc, vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình, giải thích.

- Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn.

- Năng lực: sd ngôn ngữ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **I.Hướng dẫn hs tìm hiểu đặc điểm, công dụng của khởi ngữ.**  + Gọi HS đọc ví dụ.  H: Xác định chủ ngữ trong những câu chứa từ in đậm?  H: Nhắc lại thế nào là CN, VN?  H: Cho biết các từ in đậm nêu lên điều gì trong câu?  + Từ anh (C1): nêu lên đối tượng được nói đến trong câu (anh Sáu)  + Từ giàu: nêu lên sự việc được nói đến trong câu.  + Từ "các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ" nêu lên sự vật được nói đến trong câu.**=>** Tất cả các từ in đậm trong các câu trên đều lên đề tài được nói đến trong câu.  H: Nhận xét vị trí các từ in đậm và cho biết mối quan hệ giữa các từ đó với thành phần vị ngữ của câu?  + Về vị trí: đứng trước chủ ngữ.  + Về quan hệ với vị ngữ: không có quan hệ chủ - vị với vị ngữ.  **\*Kĩ thuật khăn trải bàn:** -Phân biệt các từ ngữ in đậm với chủ ngữ.  Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa khởi và chủ ngữ?  Trước các khởi ngữ có (hoặc có thể thêm) các quan hệ từ nào?  H: Các từ ngữ in đậm chính là thành phần khởi ngữ, em hiểu thế nào là khởi ngữ? Công dụng của khởi ngữ? | **I.Tìm hiểu đặc điểm, công dụng của khởi ngữ.**  - Quan sát, đọc ví dụ.  - Xác định.  - Nhắc lại.  - Suy nghĩ, trả lời  - Nhận xét  - Phát hiện  Thực hiện kĩ thuật khăn trải bàn  - Khái quát, rút ra ghi nhớ | **I. Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ trong câu**  ***1. Ví dụ***  ***2. Nhận xét***  a. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn....  Còn **anh**, anh***/*** không ghìm nổi xúc động.  **CN VN**  b.**Giàu**tôi/ cũng giàu rồi.  **CN VN**  c. **Về các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ**, chúng ta / có thể tin ở tiếng ta không  **CN VN**  sợ nó thiếu giàu và đẹp.  - Về vị trí: Các từ in đậm đứng trước CN.  - Về quan hệ với VN: Các từ in đậm không có quan hệ chủ vị với VN  -> Là thành phần đứng trước chủ ngữ, không có quan hệ chủ vị với VN.  ⇒ Nằm ngoài nòng cốt câu.  - chỉ ra đối tượng (nêu đề tài) được nói đến trong câu nhằm nhấn mạnh cho sự vật, sự việc  - được lặp lại y nguyên ở phần câu còn lại (VD a, b).  - được lặp lại bằng một từ thay thế ''nó''(VD c).  \* Phân biệt từ ngữ in đậm với CV.   |  |  | | --- | --- | | Chủ ngữ | Các từ ngữ in đậm (khởi ngữ) | | - Là thành phần chính của câu  - Nằm trong nòng cốt câu  - Nêu ra sự vật, sự việc nói đến trong câu | - Là thành phần  phụ của câu  - Nằm ngoại nòng  cốt câu.  - Nêu đề tài, nhấn  mạnh cho sự vật,  sự việc nói đến  trong câu. |   - Có thể thêm vào trước các từ ngữ in đậm các quan hệ từ: còn, về, đối với,...  \* ***Ghi nhớ (SGK)*** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (17’)**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình, thực hành vận dụng.

- Kĩ thuật: động não

- Năng lực: tư duy, sd ngôn ngữ…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **II.Hướng dẫn HS luyện tập.**  + GV gọi HS đọc yêu cầu BT1.  H: Tìm khởi ngữ trong các đoạn trích ?  + Gọi HS đọc yêu cầu bt 2  H: Hãy các viết các câu sau đây bằng cách chuyển phần in đậm thành khởi ngữ.  H: Viết đoạn văn (ND tự chọn) trong đó có sử dụng khởi ngữ. | **II. Luyện tập.**  - Đọc yêu cầu BT1  + Làm miệng  -> Nhận xét  - Đọc y/c bt2  + Lên bảng làm  ->Nhận xét  -> Cho điểm  - Làm ra vở bt  -> Đọc, nhận xéT | **II. Luyện tập.**  **Bài tập 1.** Các khởi ngữ  a. Điều này  b. Đối với chúng mình  c. Một mình.  d. Làm khí tượng.  **Bài tập 2**  a. Làm bài thì anh ấy cẩn thận lắm.  b. Hiểu thì tôi hiểu rồi, nhưng giải thì tôi chưa giải được. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5’)**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình

- Kĩ thuật: động não

- Năng lực: tự học

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **IV. Hướng dẫn HS vận dụng**  H : Viết đoạn văn về vấn đề học tập. Trong đoạn có sử dụng khởi ngữ. | **V. Vận dụng**  - Vận dụng viết đoạn văn  -> Trình bày, nhận xét |  |

**E. ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (3’)**

- Phương pháp: đọc, nêu vấn đề, thuyết trình.

- Năng lực: sd ngôn ngữ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **VI.** **Hướng dẫn tìm tòi mở rộng kiến thức.**  H: Tìm câu văn có thành phần khởi ngữ trong các văn bản đã học và phân tích tác dụng của khởi ngữ trong câu đó. | **VI. Tìm tòi mở rộng.**  - Tìm và phân tích. |  |